ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỲNH PHỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 123/BC-UBND	*Quỳnh Phụ, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

BÁO CÁO

Tình hình thực ngân sách Quý 1 năm 2026 xã Quỳnh Phụ

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Phụ công khai số liệu thực hiện ngân sách xã Quý I năm 2026 với những nội dung sau:

1. Về thu ngân sách *(Biểu số 01)*

Tổng thu Ngân sách Dự toán HĐND xã giao là 771.822 triệu đồng, thực hiện Quý 1 năm 2026: 891.577 triệu đồng đạt 115,52% so dự toán HĐND xã giao. Nếu loại trừ số thu chuyển nguồn ngân sách thì thu ngân sách xã 298.446 triệu đồng đạt 38,67% dự toán xã giao. Trong đó một số khoản thu thực hiện như sau:

- Các khoản thu trên địa bàn xã:

Thu trên địa bàn xã hưởng (*trừ thu tiền sử dụng đất, thu đền bù thiệt hại và một số khoản thu khác*) thực hiện: 1.986 triệu đồng, đạt 38,69% dự toán xã giao;

- Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất: Dự toán HĐND xã giao là 357.850 triệu đồng. Số thu ngân sách xã hưởng điều tiết là: 121.455 triệu đồng, đạt 33,94% so dự toán HĐND xã giao.

2 Về chi ngân sách *(Biểu số 02)*

Tổng chi ngân sách: Dự toán năm 2026 HĐND xã giao 771.822 triệu đồng, thực hiện quý 1 năm 2026: 274.955 triệu đồng, đạt 35,62% dự toán HĐND xã giao.

Trong đó: Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 201.481 triệu đồng, chiếm 56,30% tổng chi ngân sách; Chi thường xuyên ước thực hiện 73.474 triệu đồng.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành thực hiện nhiệm vụ Quý I/2026

Thực hiện Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Quỳnh Phụ phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công năm 2026. Ủy ban nhân dân xã đã chủ động giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị theo quy định, phân bổ vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp để triển khai thực hiện đảm bảo theo Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của

xã Quỳnh Phụ; triển khai các chế độ chính sách của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên ban hành có liên quan ngân sách năm 2026.

Công tác thu ngân sách: Ban chỉ đạo thu ngân sách của xã tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách trên địa bàn ngay từ đầu năm để Thuế cơ sở 6 tỉnh Hưng Yên tăng cường, kiểm tra kiểm soát, chặt chẽ việc kê khai nộp thuế, hoàn thuế, có biện pháp tích cực để thu nợ đọng thuế đối với tổ chức, cá nhân còn nợ đọng. Tập trung thu các khoản thu từ đất, phí, lệ phí và các sắc thuế theo luật định, thu đúng, thu đủ nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

Nhiệm vụ điều hành chi ngân sách: Tăng cường chỉ đạo giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, đảm bảo theo tiến độ hoàn thành khối lượng của các dự án theo kế hoạch. Cấp phát kinh phí hoạt động cho các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của địa phương theo thẩm quyền, thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng và chính sách an sinh xã hội. Các đơn vị chức năng kiểm soát chi theo dự toán được phân bổ bảo đảm chế độ, định mức theo quy định Luật ngân sách nhà nước. Các phòng ban đơn vị thực hiện nghiêm quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đề cao trách nhiệm phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính ngân sách và tài sản công./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ngành có liên quan;
- Lưu VP, P.KT (NTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ

Biểu số 01/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	**771.822.000.000**	**771.822.000.000**	**1.299.799.684.643**	**891.577.497.314**	**168.41**	**115.52**
I	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**362.982.000.000**	**362.982.000.000**	**481.913.960.461**	**123.363.433.598**	**132.77**	**33.99**
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
-	Thuế tài nguyên giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thu từ khí thiên nhiên, khí than theo hiệp định, hợp đồng giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý						
-	Thuế tài nguyên khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Thu từ khí thiên nhiên và khí than theo hiệp định, hợp đồng khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
-	Lệ phí trước bạ	4.530.000.000	4.530.000.000	3.851.651.346	1.548.520.420	85.03	34.18
-	Các loại phí, lệ phí	150.000.000	150.000.000	389.774.000	175.127.000	259.85	116.75
-	Các khoản thu về nhà, đất			473.253.837.764	121.479.353.800		
-	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
-	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
-	Thu khác ngân sách			1.410.825.844	31.308.498		
-	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	175.000.000	175.000.000	129.123.880	129.123.880	73.79	73.79
-	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**9.510.000.000**	**9.510.000.000**	**51.779.731.763**	**2.108.071.297**	**544.48**	**22.17**
-	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			34.695.287.297	873.032.210		
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			481.860.370			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			1.277.710.502			
-	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			10.232.904.968			
-	Thuế thu nhập cá nhân	4.980.000.000	4.980.000.000	7.970.716.253	1.235.039.087	160.05	24.8
-	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
III	**Thu Viện trợ**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			593.332.992.419	593.332.992.419		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**399.330.000.000**	**399.330.000.000**	**172.773.000.000**	**172.773.000.000**	**43.27**	**43.27**
-	Bổ sung cân đối	310.520.000.000	310.520.000.000	77.631.000.000	77.631.000.000	25	25
-	Bổ sung có mục tiêu	45.653.000.000	45.653.000.000	95.142.000.000	95.142.000.000	208.4	208.4

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ

Biểu số 02/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**771.822.000.000**	**357.850.000.000**	**398.751.000.000**	**274.955.547.080**	**201.481.104.000**	**73.474.443.080**	**35,6**	**56,3**	**18,4**
1	Chi thường xuyên			398.751.000.000			73.474.443.080			
-	Chi giáo dục	181.083.000.000		181.083.000.000	32.354.442.239	2.378.194.000	29.976.248.239	17,87		16,55
-	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	701.000.000		701.000.000				0		0
-	Chi y tế	42.066.000.000		42.066.000.000	4.613.180.252		4.613.180.252	10,97		10,97
-	Chi văn hóa, thông tin	3.655.000.000		3.655.000.000	4.530.750.627	4.337.002.000	193.748.627	123,96		5,3
-	Chi phát thanh, truyền thanh	200.000.000		200.000.000	24.148.800		24.148.800	12,07		12,07
-	Chi thể dục thể thao									
-	Chi bảo vệ môi trường	4.758.000.000		4.758.000.000	424.663.646		424.663.646	8,93		8,93
-	Chi các hoạt động kinh tế	9.357.000.000		9.357.000.000	194.893.591.300	194.765.908.000	127.683.300	2082,86		1,36
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	54.881.000.000		54.881.000.000	11.080.481.978		11.080.481.978	20,19		20,19
-	Chi cho công tác xã hội	99.479.000.000		99.479.000.000	24.525.778.838		24.525.778.838	24,65		24,65
-	Chi quốc phòng	668.000.000		668.000.000	1.863.427.400		1.863.427.400	278,96		278,96
-	Chi an ninh	1.903.000.000		1.903.000.000	645.082.000		645.082.000	33,90		33,90
-	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
2	Các nhiệm vụ chi khác	1.559.000.000								
3	Dự phòng ngân sách	13.662.000.000								

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỲNH PHỤ

Biểu số 03/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**771.822.000.000**	**891.577.497.314**	**115,54**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	362.982.000.000	123.363.433.598	34,01
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	9.510.000.000	2.108.071.297	23,47
3	Thu bổ sung	399.330.000.000	172.773.000.000	43,27
-	Bổ sung cân đối	310.520.000.000	77.631.000.000	25,00
-	Bổ sung có mục tiêu	45.653.000.000	95.142.000.000	208,40
4	Thu chuyển nguồn		593.332.992.419	
	TỔNG SỐ CHI	**771.822.000.000**	**274.955.547.080**	**36,21**
1	Chi đầu tư phát triển	357.850.000.000	201.481.104.000	56,30
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	398.751.000.000	73.474.443.080	19,57
3	Dự phòng	13.662.000.000		0,00
4	Các nhiệm vụ chi khác	1.559.000.000		0,00